



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LIEU

VAN

GIỚI

Last

Middle

First

Current Address: 368/7 Bê'n Bỉnh Đông . F.15. Q.8 . TP.HCM

Date of Birth: 1943 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From 6/75 To 2/82

Years: 6 Months: 8 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020092423**

Họ tên **PHAN ÁNH TUYẾT**



Sinh ngày **02-8-1947**

Nguyên quán **Cần Thơ.**

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông,
TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo không rõ hình dãi
0,7cm rộng, 0,4cm cách 1cm
dưới sau cánh mũi phải.

NGÓN TRỎ PHẢI



tháng 6 năm 1978

TRƯỞNG TY CÔNG AN

P. M. Đ. Đ. Đ.

Nguyễn duy Học



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020092423**

Họ tên **PHAN ÁNH TUYẾT**



Sinh ngày **02-8-1947**

Nguyên quán **Cần Thơ.**

Nơi thường trú **368/7. Bình Đông,**
TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo không rõ hình dài
0,7cm rộng 0,4cm cách 4cm
dưới sấu cánh mũi phải.

NGÓN TRỎ PHẢI



tháng 6 năm 1978

TRƯỞNG TY CÔNG AN
AM. ĐỐC

Nguyễn Duy Học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021658989~~

Họ tên **LIÊU ANH TRINH**



Sinh ngày **15-04-1966**

Nguyên quán **Quận 8,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông,**

P. 19, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: ... Kinh ...

Tôn giáo: ... Phật ...

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo...châm...c, 2, 5cm...trên...
trước...đầu...mày...phải.

Nơi...15...tháng...5...năm...1982

CHỖ CHẤM ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thống kê

Lưu Chanh Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~02165896~~

Họ tên **LIÊU ANH TRINH**



Sinh ngày **15-04-1966**

Nguyên quán **Quận 8,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông,**

P. 19, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm c, 2, 5cm trệt
trước đầu mày phải.

Nơi 15 tháng 5 năm 1982

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



Thạch Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022199506**

Họ tên **LIÊU THANH TÂN**

Sinh ngày **22-02-1969**

Nguyên quán **Quận 8,**
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông**
P. 19, Q. 8. TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,8cm c, 2,5
dưới sau dưới mắt
trái.

Mới 06 tháng 04 năm 1984

NGON TRỎ PHẢI

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



Thạch

Le Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022199506**

Họ tên **LIÊU THANH TÂN**

Sinh ngày **22-02-1964**

Nguyên quán **Quận 8,**
TP. Hồ Chí Minh.

Nhà thường trú **368/7 Bình Đông**
P. 19, Q. 8. TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,8cm c, 2,5
dưới sau dưới mắt
trái.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 06 tháng 04 năm 1984

CHỖ CHẤM DẤU HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Thượng tá

Phạm Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **Q.2255369**

Họ tên **LIÊU THANH THUẬN**

Sinh ngày **22-06-1972**

Nguyên quán **Quận 8,**
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông**
P.15, Q.8, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo cong lăm c. 2cm
dưới sau cánh mũi
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 04 năm 1987

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chanh
Võ Việt Chanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **Q22553691**

Họ tên **LIÊU THANH THUẬN**



Sinh ngày **22-06-1972**

Nguyên quán **Quận 8,**
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông**
P, 15, Q8. TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo cong, lẹm c. 2cm
dưới sau cánh mũi
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 04 năm 1987

THAM GIAM ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chánh
Võ Việt Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~022553692~~

Họ tên **LÊU VĂN GIỎI**

Sinh ngày **14-12-1943**

Nguyên quán **Quận 8,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông,**

P. 15, Q. 8. TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong lồi c, 2cm
trên sau cánh mũi
phải.

Ngày... 21 tháng 04 năm 1987

NGƯỜI ĐỌC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN


Chánh
Hoàng Văn Thanh

NGƯỜI TRỞ TRẠI

NGƯỜI TRỞ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~022553692~~

Họ tên **L. Đ. V. GIỎI**

Sinh ngày **14-12-1943**

Nguyên quán **Quận 8,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **368/7 Bình Đông,**

P. 15, Q. 8. TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

NGÓN TRÓI TRAI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong lượn c. 2cm
trên sau cánh mũi
phải.

NGÓN TRÓI PHẢI

Ngày 21 tháng 04 năm 1987

CHAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



Chứng
Hoàng Văn Thanh

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CAU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date : 24-9-1989
Ngày : 24-9-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

: Mail or send the completed questionnaire to :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ, thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road.
Bangkok 10120.
Thailand.

A. Basic Identification Data / Lý-lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LIÊU VĂN GIỚI Sex : Male
Phái : Đàn
2. Other Name
Họ, tên khác : _____
3. Date / Place of Birth
Ngày / Nơi sinh : 14-12-1943 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 368/7 Bến Bình Đông, Phường 15 Quận 8 TPHCM
5. Mailing address
Địa-chỉ thư-từ : 368/7 Bến Bình Đông, Phường 15 Quận 8 TPHCM
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Săm thưng

B. Relative To Accompany Me / Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives aligible to accompany you. List marital status (MS) as follow : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Ý : Vợ/Chồng và con cái chưa lập gia-dinh có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê-khai tình-trạng gia-dinh như sau : Đã lập gia-dinh (M), Đã ly-dị (D), Góa phụ /Góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình-trạng gia-dinh	Relationship Liên-hệ gia-dinh
1. <u>Phan Anh Tuyết</u>	<u>02-8-1947</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>Liêu Anh Trinh</u>	<u>15-4-1966</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>DAUGHTER</u>
3. <u>Liêu Thanh Tân</u>	<u>22-02-1969</u>	<u>Saigon</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
4. <u>Liêu Thanh Thuận</u>	<u>29-6-1972</u>	<u>Saigon</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>
5. <u>Liêu Xuân Thắm</u>	<u>21-12-1974</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>DAUGHTER</u>
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed, identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below.)

(CHÚ-Ý : Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia-thú (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly-hôn (nếu đã ly-dị), giấy khai-tử của Vợ/Chồng (nếu góa phụ/góa thê, thẻ căn-cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện-tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Họng Ở Ngoại-Quốc

Of Myself/Của tôi

: Of My Souse/Của Vợ/
Chồng tôi

1. Closest Relative In The U.S.

Bà con thân-thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-dĩnh : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives
In the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relatives in Other Foreign Countries

Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-dĩnh : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Liêu Văn Huệ (sống)

2. Mother
Mẹ : Trương Thị Nguyệt (chết)

3. Spouse
Vợ/Chồng : Phạm Anh Nguyệt (sống)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có) : _____

5. Children
Con cái

(1) Liêu Anh Bình (sống)

(2) Liêu Thanh Tân (sống)

(3) Liêu Thanh Thuận (sống)

(4) Liêu Xuân Thảo (sống)

(5) _____

6. Siblings
Anh chị em

(1) Liêu Văn Thôn (sống)

(2) Liêu Văn Lợi (sống)

(3) _____

(4) _____

(5) _____

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organisation of you or your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã cơ làm việc cho công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

1. Employee Name : Liêu-văn - Giỏi
Tên họ nhân-viên :
Position title : Warehouseman
Chức-vụ :
Agency/Company/Office : PA & E
Sở/Hàng/Văn-Phòng :
Length of employment From : tháng 4-1966 To : tháng 9-1967
Thời-gian làm việc Từ : Tới :
Name of American Supervisor : Chông nhó
Tên họ Giám-thị Mỹ :
Reason for separation :
Lý-do nghỉ việc :

2. Employee Name :
Tên họ nhân-viên :
Position title :
Chức-vụ :
Agency/Company/Office :
Sở/Hàng/Văn-phòng :
Length of Employment From : To :
Thời-gian làm việc Từ : Tới :
Name of American Supervisor :
Tên họ Giám-thị Mỹ :
Reason for Separation :
Lý-do nghỉ việc :

F. Service with CVN or RVNAF by You or your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-Vụ với Chính-Phủ Việt-Nam :

1. Name of Person Serving : Liêu-văn - Giỏi
Họ tên người tham-gia :
2. Dates From : tháng 9-1967 To : 30-4-1975
Ngày, tháng, năm Từ : Tới :
3. Last Rank : Đại - úy Serial Number : 63/183078
Cấp-bậc cuối cùng : Số thẻ nhân-viên :
4. Ministry/Office/Military Unit : Trung Tâm Quân Sự Biệt Động Quân
Bộ/Sở/Đơn-vị Binh-Chúng :
5. Name of Supervisor/C.O. : Đại tá Nguyễn-văn - Đại
Họ tên người Giám-thị/ Sĩ-Quan Chỉ-huy :

6. Reason for Separation
Lý-do nghi' việc :

7. Name of American Advisor(s)
Họ tên Cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Viet-Nam
Chương-trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award
Phần-thưởng hoặc Giấy khen :

Date received :

Ngày nhận :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes No).
(CHÚ-Y : Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban khen hoặc chứng-thư nếu có. Đương-sự có không ? Có Không).

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã huấn-luyện ở ngoại-quốc.

1. Name of Student/Trainee

Họ tên Sinh-viên/Người được huấn-luyện :

2. School and School Address

Trường và Địa-chỉ nhà trường :

3. Dates

Ngày, tháng, năm

From :

Từ :

To :

Tới :

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training ?

Ai đài-tho cho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE : Please attach copies of diploma or order, if available. Available ? Yes No).

(CHU-Y : Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không ? Có Không).

11. Re-education of You or Your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học-tập cải-tạo :

1. Name of Person in Re-education

Họ tên người đi học cải-tạo :

Lieu van - Gioi

2. Time in Re-education

Thời-gian học-tập

From :

Từ :

To :

Tới :

24-6-1975

05-02-1980

3. Still in Re-education?*

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Yes :

Có :

No :

Không :

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate).

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

12. Any Additional Remarks? / Cước-chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Gioi

Date

Ngày :

24-9-1989

13. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- Giấy ra trại - 2chai sanh - Hồ khẩu - Căn cước - Hôn thú - ảnh.

BỘ NỘI VỤ
Trại Nam Tân
(5)

CONG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TTC ngày 31/05/1961 của Bộ Nội vụ
Thực hiện quyết định tha số 34/QĐ ngày 21/01 năm 1982 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ và tên thật sinh: **LIÊU VĂN GIỚI**

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Năm sinh: 1943

Nơi sinh: Sài Gòn

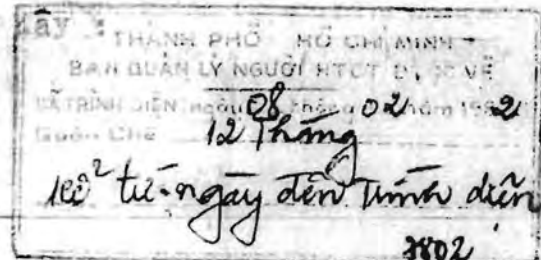
Trụ quán: 368/7 Bến Bình Đông - Phường 10 - Quận 8 T/P HCM.

Cán tội: Đại úy huấn luyện viên.

Bị bắt: 24/06/75

Án phạt: TTCT

Nay về cư trú tại: Không được cư trú trong thành phố. Các nơi khác do chính quyền địa phương quy định.



NHÀ XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi, tỏ ra an tâm học tập cải tạo
thông có biểu hiện tốt.

Lao động: Tham gia đủ ngày công, chất lượng lao động đạt năng suất
cao.

Nội quy: Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia đều có chuyển biến khá.

quản chế 12 tháng.

Làm tay ngón trở phải. Họ tên chữ ký của người
LIÊU VĂN GIỚI được cấp giấy

/)/ ngày 05 Tháng 02 năm 1982

Giới
Liêu Văn Giới



BỘ NỘI VỤ
Trại Nam Tân
(5)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TTH ngày 31/05/1961 của Bộ Nội vụ
Thủ hàng quyết định thả số 34/TĐ ngày 21/01 năm 1982 của Bộ Nội vụ

May cấp giấy thả cho anh có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: LÊ VĂN GIỚI

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Năm sinh: 1943

Nơi sinh: Sài Gòn

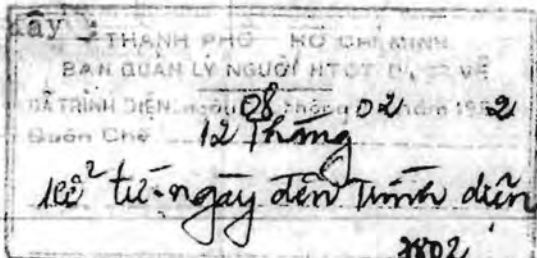
Trú quán: 368/7 Bến Bình Đông - Phường 10 - Quận 8 T/P HCM.

Cán tội: Đại úy huấn luyện viên.

Bị bắt: 24/06/75

án phạt: TTCT

May về cư trú tại: Không được cư trú trong thành phố. Các nơi khác
do chính quyền địa phương quy định.



KHÁM XÉT VÀ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi, tỏ ra an tâm học tập cải tạo
không có biểu hiện xấu.

Lao động: Tham gia đủ ngày công, chất lượng lao động đạt năng suất
cao.

Nội quy: Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

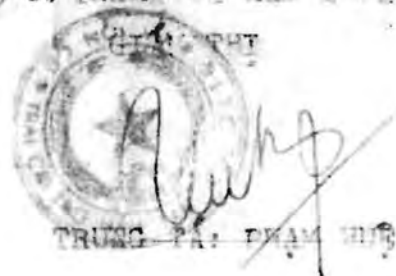
Học tập: Tham gia đều có chuyển biến khá.

Quản chế 12 tháng.

Chữ ký ngón trỏ phải. Họ tên chữ ký của người
LÊ VĂN GIỚI được cấp giấy

11/say 05 Tháng 02 năm 1982

Gia
Lê Văn Giới



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CAU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date : 24-9-1989
Ngày : 24-9-1989

Fill out this questionnaire in English : Mail or send the completed
as completely as possible. if you cannot : questionnaire to :
read or write in English, fill it out in :
Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng
Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc
hoặc viết rành Anh-ngữ, thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road.
Bangkok 10120.
Thailand.

A. Basic Identification Data / Lý lịch căn-bản

1. Name : LIÊU VĂN GIỎI Sex : Male
Họ, tên : LIÊU VĂN GIỎI Phái : Đam
2. Other Name :
Họ, tên khác :
3. Date / Place of Birth : 14-12-1943 Saigon
Ngày / Nơi sinh :
4. Residence Address : 368/7 Bến Bình Đông Phường 15 Quận 8 TPHCM
Địa-chỉ thường-trú :
5. Mailing address : 368/7 Bến Bình Đông Phường 15 Quận 8 TPHCM
Địa-chỉ thư-từ :
6. Current Occupation : Y tá
Nghề-nghiep hiện tại :

B. Relative To Accompany Me / Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives aligible to accompany you. List marital status (MS) as follow : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Ý : Vợ/Chồng và con cái chưa lập gia-dinh có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể-khai tình-trạng gia-dinh như sau : Đã lập gia-dinh (M), Đã ly-dị (D), Góa phụ /Góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình-trạng gia-dinh	Relationship Liên-hệ gia-dinh
¹ Phan Anh Nguyệt	02-8-1947	Saigon	F	M	WIFE
² Liêu Anh Trinh	15-4-1966	Saigon	F	S	DAUGHTER
³ Liêu Thanh Tân	22-02-1969	Saigon	M	S	SON
⁴ Liêu Thanh Thuận	29-6-1972	Saigon	M	S	SON
⁵ Liêu Xuân Thắm	21-12-1974	Saigon	F	S	DAUGHTER
⁶					
⁷					
⁸					

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below.)

(CHÚ-Ý : Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá-thú (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly-hôn (nếu đã ly-dị), giấy khai-tử của Vợ/Chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn-cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện-tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hạng Ở Ngoại-Quốc

Of Myself/Của tôi

: Of My Souse/Của Vợ/
Chồng tôi

1. Closest Relative In The U.S.

Bà con thân-thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-dĩnh

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relatives in Other Foreign Countries

Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-dĩnh

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toãn-Thê Gia-Đĩnh(Sống/Chết)

1. Father

Cha

: Liều - Văn - Huê (sống)

2. Mother

Mẹ

: Trương - Thi - Dương (chết)

3. Spouse

Vợ/Chồng

: Phan - Linh - Trừng (sống)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có)

:

5. Children

Con cái

(1) Liều - Anh - Trừng (sống)

(2) Liều - Thanh - Văn (sống)

(3) Liều - Thanh - Thuận (sống)

(4) Liều - Xuân - Liêm (sống)

(5)

6. Siblings

Anh chị em

(1) Liều - Văn - Trừng (sống)

(2) Liều - Văn - Lợi (sống)

(3)

(4)

(5)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organisation of you or your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã có làm việc cho công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Liêu-văn-Giỏi

Position title
Chức-vụ : Warehouseman

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : PA & E

Length of employment
Thời-gian làm việc From : Tháng 4 - 1966 To : Tháng 9 - 1967
Từ : Tới :

Name of American Supervisor
Tên họ Giám-thị Mỹ : Không rõ

Reason for separation
Lý-do nghỉ việc :

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc From : _____ To : _____
Từ : Tới :

Name of American Supervisor
Tên họ Giám-thị Mỹ : _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF by You or your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-Vụ với Chính-Phủ Việt-Nam :

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia : Liêu-văn-Giỏi

2. Dates
Ngày, tháng, năm From : Tháng 9 - 1967 To : 30-4-1975
Từ : Tới :

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối cùng : Đại-uy Serial Number : 63/183078
Số thẻ nhân-viên :

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Đơn-vị Binh-Chủng : Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người Giám-thị/
Sĩ-Quan Chỉ-huy : Đại Tá Nguyễn-văn-Đại

6. Reason for Separation
Lý-do nghi' việc : _____
7. Name of American Advisor(s)
Họ tên Cố-vấn Mỹ : _____
8. U.S. Training Courses in Viet-Nam
Chương-trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam : _____
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award Date received :
Phần-thưởng hoặc Giấy khen : _____ Ngày nhận : _____

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes _____ No _____).

(CHÚ-Y : Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban khen hoặc chứng-thư nếu có. Đương-sự có không ? Có _____, Không _____).

5. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã huấn-luyện ở ngoại-quốc.

1. Name of Student/Trainee
Họ tên Sinh-viên/Người được huấn-luyện : _____
2. School and School Address
Trường và Địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates From : _____ To : _____
Ngày, tháng, năm Từ : _____ Đến : _____
4. Description of Courses
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training ?
Ai đài-tho cho chương-trình huấn-luyện? _____

(NOTE : Please attach copies of diploma or order, if available. Available ? Yes _____ No _____).

(CHU-Y : Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không ? Có _____ Không _____).

1. Re-education of You or Your Spouse / Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học-tập cải-tạo :

1. Name of Person in Re-education
Họ tên người đi học cải-tạo : Liêu-văn-Triết
2. Time in Re-education From : _____ To : _____
Thời-gian học-tập Từ : 24-6-1975 Đến : 05-02-1982
3. Still in Re-education?* Yes : _____ No : _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có : _____ Không : Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate).
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

1. Any Additional Remarks? / Các-chú phụ-thuộc

Signature _____ Date _____
Ký tên : Bro Ngày : 24-9-1989

1. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- Giấy ra trại - Khai Sinh - Hồ Khẩu - Căn Cước - Hôn thú - Ảnh.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẤP ĐỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 829169 CN

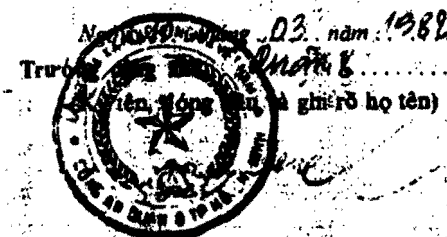
Họ và tên chủ hộ : Nguyễn Thị Hèo

Ấp, ngõ, số nhà : 31/7

Thị trấn, đường phố : Bình Hưng

Xã, phường : 19

Huyện, quận : Quận

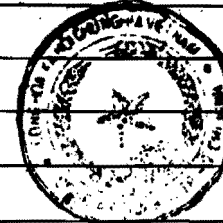
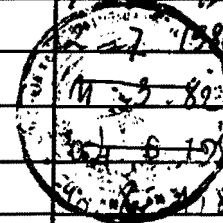


THỦ TƯỚNG Nguyễn Khoa Tuấn

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Hèo	chủ hộ	nữ	1925	020945981	một mình	1.10.1976		
02	Liêu Văn Hưu	chồng	nam	1921	020945897		1.10.76		
03	Phạm Ánh Tuyết	con	nữ	1947	020092423	công nhân	1.10.76		
04	Đỗ Bích Đào	cháu	nữ	1950	020945894	Phonix	1.10.76	4,5,8,9,11,14,15	HT: 366, 20
05	Nguyễn Văn Phụng	cháu	nam	1958			1.10.76	bình dương F15 cũ	06.5.88
06	Liêu Ánh Xuân	cháu	nữ	1966	021668969		1.10.76		
07	Liêu Thanh Vân	cháu	nam	1969	022177506		1.10.76		
08	Phạm Đình Bân	cháu	nam	1963	02094575		1.10.76		
09	Phạm Thị Tuyết Nhung	cháu	nữ	1971	022553250		1.10.76		
10	Liêu Thanh Thuận	cháu	nam	1972	022553691		1.10.76		
11	Phạm Thanh Hồng	cháu	nam	1974			1.10.76		
12	Liêu Xuân Tâm	cháu	nữ	1974	022727589		1.10.76		
13	Liêu Văn Lợi	con	nam	1959	021659485	Đạp Xích Lở	1.10.76		
14	Phạm Thị Thanh Nhân	cháu	nữ	1982			1.10.76		
15	Phạm Văn Trường	con	nam	1951	022199574		1.10.76		
16	Liêu Văn Giáp	con (c)	nam	1923	022553622		1.10.76		



unolli

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁI HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 829169 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Hèo

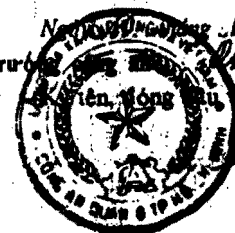
Ấp, ngõ, số nhà: 303/7

Thị trấn, đường phố: Bình Hưng

Xã, phường: 19

Huyện, quận: Quận 7

Nơi cấp: Quận 7, năm 1988
Trưởng ban chấp hành:
Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Viết và Nguyễn Khoa Tuấn

Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Hèo	chủ hộ	nữ	1925	020945981	mất	1.10.1976		
02	Liêu Văn Hưu	chồng	nam	1921	020945897		1.10.76		
03	Phan Ánh Nguyệt	con	nữ	1947	020092423	công nhân	1.10.76		
04	Đỗ Bạch Cúc	cháu	nữ	1950	020945898	Phonh lai	1.10.76	4,5,8,9,11,14,15 HH:365, 20	
05	Nguyễn Văn Phụng	cháu	nam	1958			1.10.76	Bình Dương F15 CA 06.5.88	
06	Liêu Ánh Vinh	cháu	nữ	1966	021668969		1.10.76		
07	Liêu Thanh Cao	cháu	nam	1969	022197505		1.10.76		
08	Phạm Đình Cẩn	cháu	nam	1969	022197575		1.10.76		
09	Phạm Thị Nguyệt Hồng	cháu	nữ	1971	022553750		1.10.76		
10	Liêu Thanh Thuần	cháu	nam	1972	022553691		1.10.76		
11	Phạm Thanh Hồng	cháu	nam	1974			1.10.76		
12	Liêu Xuân Thành	cháu	nữ	1974	022725589		1.10.76		
13	Liêu Văn Lợi	con	nam	1959	021659485	Đạp xích lô	2.7.1980		
14	Phạm Thị Thanh Hoàn	cháu	nữ	1982			11.3.82		
15	Phạm Hữu Hoàng	con	nam	1951	022199574		1.10.76		
16	Liêu Văn Giã	con (c)	nam	1983	022553622		1.10.76		

Xã, Thị trấn Xóm Chài

Thị xã, Quận Q8

Thành phố, Tỉnh HT-80

*

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 837

Quyền số 05-1974

Họ và tên	<u>LIÊU XUÂN THẠM</u>		Nam, nữ <u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>21-12-1974</u> <u>hai mươi mốt tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư</u>		
Nơi sinh	<u>334 Trưng thiện Vương</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LIÊU VĂN GIỎI</u> <u>31 tuổi</u>	<u>PHAN ANH TUYẾT</u> <u>27 tuổi</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>/</u>	<u>/</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Quân nhân</u> <u>368/7 Bình Long</u>	<u>Nội trợ</u> <u>368/7 Bình Long</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>NGUYỄN THỊ GIỮNG</u> <u>41 tuổi</u> <u>334 Trưng thiện Vương</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng 7 năm 1988

TM/UBND LIÊU VĂN PHONG ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 26 tháng 12 năm 1974

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

VIỆN CHỨC HỘ TỊCH

(Chữ ký)

TRẦN VĂN CÔNG

LIÊU VĂN THẠM

Xã, Thị trấn Xóm Cánh

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã, Quận Q1

Thành phố, Tỉnh HT-50

BẢN SAO

Số 837

GIẤY KHAI SINH

Quyền số 01-1974

Họ và tên	LIÊU QUÂN THOM		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày	21-12-1974			
tháng, năm	hai mươi một, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư			
Nơi sinh	334 Trưng Thiệu Vương			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LIÊU VĂN GIỎI		PHAN ANH TUYẾT	
	31 tuổi		27 tuổi	
Dân tộc	/		/	
Quốc tịch				
Nghề nghiệp	Cán bộ		Hội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	368/7 Bình Long		368/7 Bình Long	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ CÔNG 41 tuổi 334 Trưng Thiệu Vương			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 7 năm 1988

Đăng ký ngày 28 tháng 12 năm 1974

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND PHẠM VĂN PHONG ký tên đóng dấu

VIỆN CHỨC HỌ TỊCH

(Ế KỶ)

THIÊN VĂN CÔNG



PHẠM VĂN PHONG

LIÊU QUÂN THOM

NĂM 19 65

Số hiệu 21

SỔ GIA-ĐÌNH

HỘ-TỊCH

Quận Bay

~~HỒN-KHẾ~~ CHỨNG THƯ HÔN-THU

Ngày một tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi mười
MỘT ĐĂNG LÀ: LIÊU-VĂN-GIỚI /lăm

Sinh ngày 14 tháng 12 năm 1943

Tại ~~XXX~~ Cholon

Tỉnh /

Nghề-nghiệp Học-sinh

Nhà cửa ở tại số 368/7, bến Bình-Đông

Con trai của LIÊU-VĂN-HUÊ (sống)

và của TRƯƠNG-THỊ-DUONG (sống)

Góa-bạn hay là ly-dị của /

VÀ MỘT ĐĂNG KHÁC LÀ PHAN-ÁNH-TUYẾT /

Sinh ngày 2 tháng 8 năm 1947

Tại ~~XXX~~ Saigon

Tỉnh /

Nghề-nghiệp Nội trợ

Nhà cửa ở tại số 368/7, bến Bình-Đông

Con gái của /

và của PHAN-THỊ-DIỆU (sống)

Góa-bạn hay ly-dị của /

Không có hôn-khế.

Phát tại Quận Bay, ngày 1 tháng 4, năm 1965

Quận-Trưởng Quận-Bay,

Viên Chức Hộ-Tịch, 4



HỒ-VĂN-NHÂN
Thư-Bộ Hộ-Tịch

NAM 19 65

Số hiệu. 21

SỔ GIA-ĐÌNH

HỘ-TỊCH

Quận Bay

~~HÔN-THƯ~~ CHỨNG THƯ HÔN-THƯ

Ngày một tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mười
MỘT ĐĂNG LÀ: LIÊU-VĂN-GIỎI / lăm

Sanh ngày 14 tháng 12 năm 1943

Tại ~~xxx~~ Cholon

Tỉnh /

Nghề-nghiệp Học-sinh

Nhà cửa ở tại số 368/7, bến Bình-Đông

Con trai của LIÊU-VĂN-HUÊ (sống)

và của TRƯƠNG-THỊ-DƯƠNG (sống)

Góa bạn hay ly-dị của /

VÀ MỘT ĐĂNG KHÁC LÀ PHAN-ÁNH-TUYẾT /

Sanh ngày 2 tháng 8 năm 1947

Tại ~~xxx~~ Saigon

Tỉnh /

Nghề-nghiệp Nội trợ

Nhà cửa ở tại số 368/7, bến Bình-Đông

Con gái của /

và của PHAN-THỊ-DIỆU (sống)

Góa bạn hay ly-dị của /

Không có hôn-khế.

Phát tại Quận Bay, ngày 1 tháng 4, năm 1965

Quận-Trưởng Quận-Bay,

Viên Chức Hộ-Tịch, y



HỒ-VĂN-NHÂN

Viên Chức Hộ-Tịch

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY BAN NHÂN-DÂN

Quận Tám (mới) 7 (cũ)

Xã _____

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 396

Năm 1972

Lập ngày 30 tháng 06 năm 197 2

Họ tên	LIÊU - THANH - THUẬN
Trai hay gái	Nam
Ngày, tháng, năm sinh	<u>7</u> <u>giữa</u> <u>30</u> . Hai mươi chín, tháng sáu, một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Nơi sanh	Quận 7, 368/7, BÌNH-ĐÔNG .
Họ tên, quốc tịch cha	LIÊU - VĂN - GIỚI 29 tuổi
Họ tên, quốc tịch mẹ	PHAN-ANH-TUYẾT, 25 tuổi

SAO LỤC Bản-chính

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 11 tháng 05 năm 1977

TUN. ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN-VĂN-NGÂN

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

Quận Tám (mới) 7 (cũ)

Xã _____

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 396

Năm 1972

Lập ngày 30 tháng 06 năm 197 2

Họ tên	LIÊU - THANH - THUẬN
Trai hay gái	Nam
Ngày, tháng, năm sanh	<u>7 giờ 30.</u> Hai mươi chín, tháng sáu, một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Nơi sanh	Quận 7, 300/7, BÌNH-ĐÔNG .
Họ tên, quốc tịch cha	LIÊU - VAN - GIỚI 29 tuổi
Họ tên, quốc tịch mẹ	PHAN-ÁNH-TUYẾT, 25 tuổi

SAO LỤC Đến-chính
11 tháng 05 năm 197 7

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN-VĂN-NGÂN



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 8

Số hiệu: 292

*

HỘ - TỊCH

P/6

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)./.

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lêu Thanh Tân
Phái.	nam
Ngày sanh	hai mươi hai tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, hồi 18g1930
Nơi sanh	334, đường Hùng thiện Vương
Tên, họ người Cha . . .	Lêu Văn Giỏi
Tuổi.	hai mươi sáu
Nghề-nghiep.	quân nhân
Nơi cư-ngụ	368/7, bến Bình Đông
Tên, họ người Mẹ. . .	Phan Anh Tuyết
Tuổi.	hai mươi hai
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	368/7, bến Bình Đông
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 27 tháng 2 năm 1969

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 29 tháng 5 năm 1969

T.L. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 8



Dũng-Hữu-Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 8

Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 292Quyển số 2/1969

Họ và tên	LIÊU THANH TÂN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	22-2-1969 hai mươi hai, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín		
Nơi sinh	334 Tùng thiên vương quận 8		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LIÊU VĂN GIỎI 26 Tuổi	PHAN ANH TUYẾT 22 Tuổi	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	368/7 Bình Long	368/7 Bình Long	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	HUỖNH THỊ CƯỜNG 334 Tùng thiên vương.		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 9 tháng 03 năm 1967TM/UBND Quận 8 ký tên đóng dấuĐã ký ngày 27 tháng 02 năm 1969
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Viên chức hộ tịch

ĐANG HỮU TÁNH



P.V.P

Bà Nguyễn Thị Cường

HÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

lên Tám

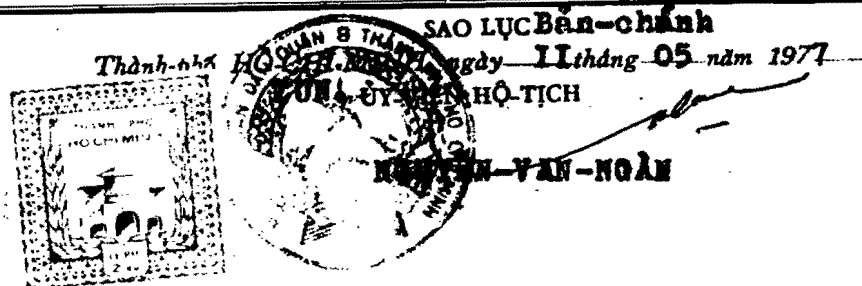
BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 827

Năm 1966

Lập ngày 19 tháng 04 năm 1966

Họ tên	LIÊU - ANH - TRINH
Trai hay gái	NỮ
Ngày, tháng, năm sanh	Mười lăm, tháng tư, một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (5/10/66)
Nơi sanh	274, Đường: TÙNG-THIỆN-VƯƠNG.
Họ tên, quốc tịch cha	LIÊU - VAN - GIỚI, 23 tuổi
Họ tên, quốc tịch mẹ	PHAN-ANH-TUYẾT, 19 tuổi .



HÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

uyện **Tổn**

ã

BẢN-SAO KHAI-SANH

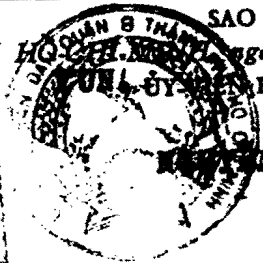
Số hiệu : **827**

Năm **1966**

Lập ngày **19** tháng **04** năm **1966**

Họ tên	LIÊU - ANH - TRINH
Trai hay gái	NỮ
Ngày, tháng, năm sanh	Mười lăm, tháng tư, một nghìn chín trăm sáu mươi sáu (5/10/66)
Nơi sanh	274, Đường: TÙNG-THIỆN-VƯƠNG
Họ tên, quốc tịch cha	LIÊU - VAN - GIỚI, 23 tuổi
Họ tên, quốc tịch mẹ	PHAN-ANH-TUYẾT, 19 tuổi .

SAO LỤC Bản-chính
Thành-nhà **HỒ-CHÍ-MINH** ngày **11** tháng **05** năm **1977**
ỦY-BAN NHÂN-HỘ-TỊCH
NGUYỄN-VĂN-NOLN



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HIT

Xã, phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Huyện, Quận.....

Quyền.....

Tỉnh, Thành phố.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên..... Nam hay nữ.....
 Ngày, tháng, năm sinh.....
 Nơi sinh.....
 Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên		
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

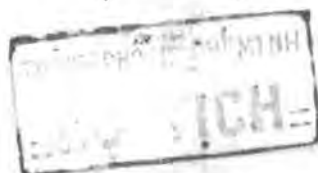
Người đứng khai ký

Đăng ký ngày..... tháng..... năm 19.....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày..... tháng..... năm.....
 Người ký tên đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 10881

Xã phường.....

Huyện, Quận.....

Quyền.....

Tỉnh, Thành phố CHOLON



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LIÊU VĂN GIỎI Nam hay Nữ Nam

Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bốn tháng mười hai, năm một nghìn chín trăm bốn mươi ba (14.12.1943)

Nơi sinh Cholon, đường Gia Phú

Dân tộc Quốc tịch

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	TRUONG THI DUNG	LIÊU VĂN HUE
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	không nghề	lâm công
Nơi thường trú	Cholon, đường Thợ may	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Cha khai, 20 tuổi

Đăng ký ngày 17 tháng 12 năm 1943

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 11 năm 1988

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



KIM THẢO

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **10881**

Huyện, Quận.....

Quyền.....

Tỉnh, Thành phố **CHOLON**

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **LIÊU VĂN GIỎI** Nam hay Nữ **Nam**Ngày, tháng, năm sinh **Ngày mười bốn tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba (14.12.1943)**Nơi sinh **Cholon, đường Gia Phú**

Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	TRƯƠNG THỊ DƯƠNG	LIÊU VĂN HUỆ
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	không nghề	làm công
Nơi thường trú	Cholon, đường Thư Ký	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Cha khai, 20 tuổiĐăng ký ngày **17** tháng **12** năm 19**43**

Người đứng khai ký

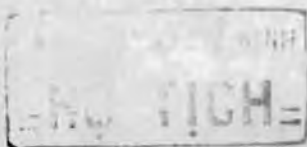
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **16** tháng **11** năm **1988**

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

Phó Văn phòng

**trần****PHẠM KIM THẢO**

Sài Gòn ngày 21-9-1989

Kính gửi Chị.

Bố và gia đình gửi thăm chị cùng gia
quyển. Luôn luôn an.

Chưa chị, tôi nhờ chị giúp gửi hồ
số để tôi và gia đình được định cư sang
Mỹ, xin chị hiểu cho vì sao đến bây giờ tôi
mới gửi đến nhờ chị giúp.

Chưa chị, sẽ phân tôi ở Việt Nam, tôi
sẽ lo mọi thủ tục cần thiết

Rất mong nhận được kết quả của
thủ hồi âm.

Chị nhận được thư xin chị hồi âm cho
tôi gấp để tôi được an tâm.

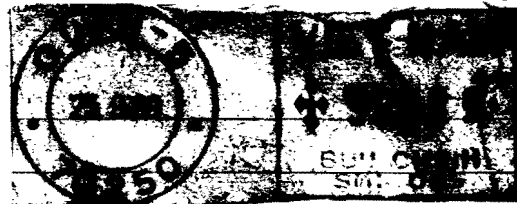
Đến chân thành cảm ơn chị

Kính thư

Giới.

Trần Văn Giới.

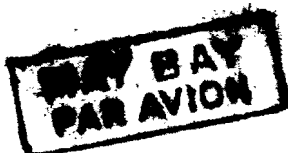
From: LIEU-VAN-GIOI²



368/ BÊN BÌNH ĐÔNG
PHƯỜNG 15 QUẬN TÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VIỆT NAM

OCT 11 1989



TO: KHUẾ MINH THƠ

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

TELEPHONE: , - - - - -

U.S.A



109-0630



Liên-vân-
Giới

14-12-1943

Liên Thanh
Cân

• 22-2-1969

Liên
Thanh
Thị



Phan Anh Tuyết

Liêu Xuân Thâm

Liêu Anh Trinh

Liêu Anh Trinh

CONTROL

_____ Card
- * _____ Doc. Request; Form 10/31/89
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date _____
_____ Membership; Re: 10/31/89